

## THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THIÊN NHIÊN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC CHO HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Trần Thị Gái<sup>1+</sup>,  
Kieu Thị Kính<sup>2</sup>,  
Ngô Thị Hoàng Vân<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Vinh;  
<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng  
+Tác giả liên hệ • Email: tranthigaidhv@gmail.com

### Article History

Received: 06/11/2020

Accepted: 19/11/2020

Published: 20/12/2020

### Keywords

communication and  
collaboration, competence,  
experiential learning,  
environmental education.

### ABSTRACT

Communication and collaboration are one of the common competencies that need to be formed and developed for students at school. Nature experience activities are a compulsory educational activity in high schools aimed at educating students the love for nature and protecting nature. The paper presents the concept, structure of communication and cooperation competence; the relationship between the ability to communicate and cooperate with the activity of experiencing nature; the design process of experiencing nature. On that basis, the authors give an example for the design of a natural experience activity with the theme “Green Tourism”, grade 9.

### 1. Mở đầu

Hiện nay, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ đã tác động rất lớn đến con người và môi trường thiên nhiên, vừa đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động thời đại 4.0 năng động sáng tạo, vừa phát triển KT-XH bền vững. Hợp tác và giao tiếp là một trong bốn năng lực quan trọng cần có trong thế kỉ XXI theo Diễn đàn Kinh tế thế giới, giúp cho mỗi cá nhân có thể thích ứng với sự thay đổi nhanh của công nghệ và theo đuổi mục tiêu học tập suốt đời (Lucas, 2019, tr 7). Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác (GT&HT) là một trong những thành tố giúp học sinh (HS) phát triển khả năng kết nối xã hội toàn cầu, đặc biệt là kết nối để bảo vệ môi trường và tài nguyên. Thiên nhiên được xem là môi trường học tập gần gũi và thực tế trong giáo dục HS. Thông qua hoạt động trải nghiệm (HĐTN) thiên nhiên, HS được tìm hiểu về thế giới sống, từ đó giáo dục tình yêu thiên nhiên, phát huy tính trách nhiệm thông qua các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nhiệm vụ của nhà giáo dục là thiết kế và tổ chức các HĐTN thiên nhiên nhằm phát triển các phẩm chất và năng lực HS, trong đó chú trọng đến năng lực GT&HT để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống một cách sáng tạo, bền vững.

Bài báo trình bày về khái niệm, cấu trúc năng lực GT&HT; mối quan hệ giữa năng lực GT&HT với HĐTN thiên nhiên. Trên cơ sở đó lấy ví dụ minh họa cho việc tổ chức HĐTN thiên nhiên trong dạy học chủ đề “Du lịch xanh”, lớp 9.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Hoạt động trải nghiệm thiên nhiên

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: HĐTN (cấp tiểu học) và HĐTN, hướng nghiệp (cấp THPT) là hoạt động giáo dục, do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Ở cấp THCS, HĐTN, hướng nghiệp tập trung hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp; đồng thời hoạt động hướng vào bản thân vẫn được tiếp tục triển khai để phát triển các phẩm chất và năng lực của HS (Bộ GD-ĐT, 2018).

HĐTN thiên nhiên nằm trong mạch nội dung Hoạt động hướng đến tự nhiên, tập trung vào hai nội dung chính, bao gồm: (1) Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; (2) Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường (bảng 1).

Bảng 1. Yêu cầu cần đạt về các HĐTN thiên nhiên cấp THCS

Lớp	Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
6	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	- Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người. - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.
7	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan.
	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	- Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất. - Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu
8	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương. - Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh.
	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	- Suu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp để phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.
9	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của đất nước.
	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	- Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn sinh sống. - Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

## 2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

Giao tiếp là một quá trình trong đó các bên tham gia tạo ra hoặc chia sẻ thông tin, cảm xúc với nhau nhằm đạt được mục đích giao tiếp (Burns và cộng sự, 2002, tr 184). Năng lực giao tiếp được đánh giá thông qua tính phù hợp và tính hiệu quả (Martin, 1994; Monthienvichienchai và cộng sự, 2002; Spitzberg, 1983). Quá trình xây dựng năng lực giao tiếp cho HS có thể thông qua 3 giai đoạn: (1) Biết về năng lực giao tiếp; (2) Muốn phát triển năng lực giao tiếp; (3) Thể hiện năng lực giao tiếp (Spitzberg, 1983).

Hợp tác là cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó nhằm một mục đích chung (Hoàng Phê, 1995). Năng lực hợp tác được thiết kế dựa trên các nguyên tắc xây dựng xã hội (Gilbert, 2013), đánh giá qua khả năng hợp tác trong các quá trình khác nhau để giải quyết vấn đề cụ thể (Borge & White, 2016, tr 325). Để xây dựng các hoạt động dạy học theo nhóm, hình thành và phát triển năng lực hợp tác của HS là không đơn giản. Borge và White (2016) đã đề xuất 4 vai trò mà HS có thể đảm nhận trong các hoạt động làm việc nhóm: Quản lý cộng tác (hay lập kế hoạch chung); Quản lý thông tin/giao tiếp (tổng hợp thông tin tập thể); Quản lý hòa giải (thương lượng kiến thức tập thể); Quản lý năng suất (năng suất tập thể).

Theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, cấu trúc năng lực GT&HT của HS gồm 08 thành tố: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; Điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn; Xác định mục đích và phương thức hợp tác; Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân; Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác; Tổ chức và thuyết phục người khác, Đánh giá hoạt động hợp tác; Hội nhập quốc tế (Bộ GD-ĐT, 2018).

## 2.3. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm thiên nhiên theo chủ đề để phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp

HĐTN, hướng nghiệp gồm 4 loại hình: chào cờ, giáo dục theo chủ đề (thường xuyên và định kì), sinh hoạt lớp, câu lạc bộ. Trong bài báo này, chúng tôi tập trung hoạt động giáo dục theo chủ đề thường xuyên để phát triển năng lực GT&HT cho HS THCS. Hoạt động giáo dục theo chủ đề thường xuyên là hoạt động được tổ chức hàng tuần theo quy mô lớp với các nhiệm vụ diễn ra trong suốt thời gian của chủ đề (có thể thực hiện trong nhiều tuần).

Chúng tôi đề xuất quy trình thiết kế HĐTN thiên nhiên theo chủ đề thường xuyên để phát triển năng lực GT&HT gồm 4 bước như sau:

*- Bước 1: Xác định chủ đề HĐTN, hướng nghiệp và mục tiêu của chủ đề*

*Mục tiêu:* + Xác định được tên chủ đề phù hợp với đặc điểm đối tượng HS; tình hình cụ thể địa phương; kế hoạch giáo dục nhà trường, các yêu cầu cần đạt trong chương trình HĐTN, hướng nghiệp; + Xác định được mục tiêu của chủ đề về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của HĐTN, hướng nghiệp.

*Cách tiến hành:* + Từ mạch hoạt động, mạch nội dung và các yêu cầu cần đạt của khối/lớp → Xác định và đặt tên cho chủ đề HĐTN, hướng nghiệp; + Từ yêu cầu cần đạt của chủ đề → Xác định mục tiêu (cụ thể hóa yêu cầu cần đạt phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm xây dựng nội dung kiến thức, vào phương tiện, thiết bị tổ chức hoạt động giáo dục) → Viết mục tiêu chủ đề: Mục tiêu thể hiện phẩm chất và năng lực (chung, đặc thù), cụ thể đến thành tố và biểu hiện hành vi. Các mục tiêu này được phát biểu tương ứng với từng mức độ của nội dung cơ bản, quan trọng và hình thức, phương pháp tổ chức của chủ đề. Mục tiêu được biểu đạt bằng động từ cụ thể, lượng hoá được và phải phản ánh được yêu cầu cần đạt của chủ đề.

*- Bước 2: Thiết kế nội dung chi tiết của chủ đề hoạt động*

*Mục tiêu:* + Xây dựng được nội dung chi tiết của chủ đề hoạt động làm cơ sở cho việc kết nối giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động - đánh giá hoạt động HĐTN, hướng nghiệp; + Xác định được mục tiêu của chủ đề về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của HĐTN, hướng nghiệp: mục tiêu hướng vào HS; mục tiêu cần ngắn gọn rõ ràng và khả thi. Trong đó, nhấn mạnh đến năng lực GT&HT với cấu trúc cụ thể.

*Cách tiến hành:* Từ mục tiêu, mạch nội dung, mạch hoạt động của chủ đề đã xác định ở bước 1 → Lựa chọn nội dung hoạt động cụ thể phù hợp với thực tiễn địa phương, nhà trường, đặc điểm HS → Xây dựng nội dung cụ thể tương ứng.

*- Bước 3: Xác định phương pháp tổ chức HĐTN, hướng nghiệp*

*Mục tiêu:* Xác định được phương pháp và phương tiện tổ chức cho phù hợp với nội dung và đạt được các mục tiêu đề ra.

*Cách tiến hành:* Xác định phương thức (Thế nghiệm, tương tác; Khám phá; Công hiến; Nghiên cứu) → Xác định phương pháp tổ chức hoạt động tương ứng với mỗi loại phương thức hoạt động (*Thế nghiệm, tương tác:* Toạ đàm, Hội nghị, Hội thảo, Diễn đàn, Giao lưu, Sân khấu hóa, Hội thi, Triển lãm, Trò chơi...; *Khám phá:* Thực địa, thực tế, cắm trại, tham quan, du lịch...; *Công hiến:* Thực hành lao động, hoạt động tình nguyện, thiện nguyện phục vụ cộng đồng; *Nghiên cứu:* Dự án, nghiên cứu khoa học, hoạt động nhóm theo sở thích, câu lạc bộ...).

*- Bước 4: Xác định chuỗi hoạt động và thiết kế tiến trình các HĐTN, hướng nghiệp*

*Mục tiêu:* Xây dựng được chi tiết các hoạt động trong chuỗi hoạt động nhằm thực hiện được mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực HS trong chủ đề.

*Cách tiến hành:* + Xác định chuỗi hoạt động gồm: Nhận diện - khám phá; chiêm nghiệm, kết nối kinh nghiệm; Thực hành/ luyện tập; Vận dụng - mở rộng; Đánh giá - phát triển. Xây dựng bảng khung hoạt động và liệt kê các tiêu chí: tên hoạt động, hình thức và phương pháp, mục tiêu về phẩm chất và năng lực, dự kiến đánh giá; + Thiết kế tiến trình hoạt động cụ thể: mỗi hoạt động được chi tiết hóa rõ ràng về mục tiêu, nội dung, cách thức tổ chức, dự kiến sản phẩm, phương án đánh giá.

Đề phát triển năng lực GT&HT, cần thiết kế các hoạt động tổ chức nhóm hợp tác như sau:

*Hoạt động 1. Tổ chức nhóm hợp tác*

*GV:* + Thành lập nhóm: số lượng HS và cách phân nhóm; + Định hướng HS phân công các vai trò trong nhóm; + Giao nhiệm vụ hoạt động cho nhóm, quyết định thời gian hoạt động nhóm; + Giúp đỡ nhóm phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

*HS:* + Ôn định tổ chức nhóm; + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm: nhóm trưởng, thư kí, thành viên; + Nhận nhiệm vụ, lựa chọn hình thức hợp tác; + Phân công công việc của mỗi thành viên trong nhóm.

*Hoạt động 2. Tiến hành hoạt động mỗi nhóm*

*GV:* + Hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình hoạt động; + Điều chỉnh hoạt động nhóm, khuyến khích thành viên tham gia hoạt động tích cực.

*HS:* + Tìm hiểu vấn đề, xác định nhiệm vụ cần giải quyết; + Nghiên cứu các giải pháp giải quyết vấn đề; ghi lại các ý tưởng; + Thảo luận trong nhóm để thống nhất giải pháp; + Thực hiện giải pháp; + Kết luận vấn đề bằng sản phẩm nhóm.

### *Hoạt động 3. Báo cáo hoạt động các nhóm*

GV: + Tổ chức các nhóm trong lớp trao đổi và tranh luận với nhau. Mỗi nhóm cử đại diện báo cáo hoặc do GV chỉ định báo cáo trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình, phân tích những ưu và nhược điểm của nhóm, hiệu quả công việc mà nhóm đã đạt được; + Phát hiện những điểm khác biệt, những mâu thuẫn giữa các nhóm để các nhóm tranh luận; + Là người “trọng tài khoa học”, đưa ra những kết luận khoa học về cách giải quyết nhiệm vụ học tập.

HS: + Đại diện nhóm báo cáo; + Nhóm tự đánh giá kết quả làm việc; + Các nhóm khác nhận xét, tranh luận, bổ sung các vấn đề còn thắc mắc; + Nhóm báo cáo có nhiệm vụ giải đáp thắc mắc của nhóm bạn, đưa ra lập luận, lí lẽ để chứng minh, bảo vệ ý kiến của mình, khai thác ý kiến của các nhóm để bổ sung, hoàn chỉnh sản phẩm của mình. Hoạt động này được thực hiện tuần tự cho đến khi các nhóm báo cáo xong; + Tổng kết vấn đề: Sau khi trình bày, tranh luận thì HS và GV sẽ cùng đưa ra kết luận về nội dung học tập.

### *Hoạt động 4. Đánh giá hoạt động*

GV: + Đánh giá sản phẩm thu được sau khi thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, có thể là một bản báo cáo, một câu trả lời mà HS đã đưa ra; + Tổng hợp những điều ghi chép do quan sát được, đưa ra nhận xét về tinh thần, thái độ và các kĩ năng hợp tác của HS; + Tổ chức cho các nhóm tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau; + Đánh giá tổng kết.

HS: + Tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau thông qua phiếu đánh giá, bảng hỏi; + Công bố các thông tin đánh giá của nhóm mình và các nhóm khác.

- *Bước 5: Thiết kế công cụ đánh giá kết quả chủ đề HDTN, hướng nghiệp*

*Mục tiêu:* Xây dựng được các công cụ và cách thức sử dụng công cụ để đánh giá phẩm chất và năng lực HS trong chủ đề.

*Cách tiến hành:* + Xác định phương pháp đánh giá (trắc nghiệm, quan sát, khảo sát điều tra, sản phẩm học tập, hồ sơ học tập, trao đổi các bên liên quan); + Xác định các công cụ đánh giá phù hợp với phương pháp đánh giá (câu hỏi, bảng hỏi, bảng kiểm, bảng ghi chép, phiếu đánh giá theo tiêu chí, hồ sơ hoạt động); + Xây dựng công cụ đánh giá.

### **Ví dụ minh họa: Chủ đề “Du lịch xanh” (Lớp 9) - Thời gian: 3 tiết**

- *Bước 1: Xác định chủ đề HDTN, hướng nghiệp và mục tiêu của chủ đề*

HDTN, hướng nghiệp lớp 9 với mạch hoạt động hướng đến tự nhiên, mạch nội dung hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường có yêu cầu cần đạt như sau: + Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn sinh sống; + Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Căn cứ từ tác động của du lịch đến tài nguyên và môi trường, HDTN, hướng nghiệp thực tế giúp HS tìm hiểu và phân tích về lợi ích và tác hại của du lịch hướng đến giải quyết các vấn đề trước mắt và lâu dài, phát triển năng lực HT&GT thông qua khảo sát, phỏng vấn cộng đồng nhằm đề xuất giải pháp hướng đến du lịch sinh thái bền vững.

*Mục tiêu:*

(1) *Phẩm chất:* Quan tâm và tham gia tích cực các hoạt động của nhóm (Trách nhiệm).

(2) *Năng lực chung:* Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được phân công, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm và các nhóm bạn thông qua các hoạt động phỏng vấn cộng đồng, hoạt động nhóm, quan sát, viết báo cáo và thuyết trình (HT&GT).

(3) *Năng lực đặc thù:* Năng lực thích ứng với cuộc sống; + Phân tích được những lợi ích và tác hại của các hoạt động du lịch tại Sơn Trà; + Đề xuất được các giải pháp du lịch sinh thái bền vững.

- *Bước 2: Thiết kế nội dung chi tiết của chủ đề hoạt động*

+ Tìm hiểu hoạt động phát triển du lịch tại Sơn Trà, Đà Nẵng; thu thập hình ảnh, dữ liệu về hoạt động du lịch; phỏng vấn cộng đồng.

+ Đề xuất các giải pháp và xây dựng mô hình quản lí hướng đến du lịch bền vững - du lịch sinh thái.

- *Bước 3: Xác định phương pháp tổ chức HDTN, hướng nghiệp*

Phương pháp khám phá

- *Bước 4: Xác định chuỗi hoạt động và thiết kế tiến trình các HDTN, hướng nghiệp*

*Hoạt động 1: Tìm hiểu các hoạt động phát triển du lịch tại Sơn Trà, Đà Nẵng*

a) *Mục tiêu:* + Tìm kiếm và thu thập được những tài liệu và hình ảnh về hoạt động phát triển du lịch và sự ảnh hưởng của du lịch đến tài nguyên sinh vật và con người; + Nêu được định nghĩa, những tiêu chí, nguyên tắc, định hướng của du lịch sinh thái, du lịch bền vững.

b) *Cách tiến hành:*

+ Thực hiện: GV yêu cầu HS chia thành các nhóm, trung bình mỗi nhóm gồm 06 HS. GV cử ra 01 nhóm trưởng để phân công nhiệm vụ cho các thành viên. GV phân công nhiệm vụ cho các thành viên tìm kiếm và thu thập tài liệu, hình ảnh về: Các hoạt động xây dựng khách sạn, resort, hoạt động du lịch khác tại Sơn Trà (thời gian xây dựng và hoạt động, vị trí, quy mô hoạt động...); những tác động tích cực, tiêu cực đến con người và hệ sinh thái của các hoạt động du lịch trên; định nghĩa, tiêu chí, nguyên tắc và định hướng của Du lịch sinh thái và Du lịch bền vững. Các nhóm trình bày kết quả tìm hiểu tài liệu và hình ảnh tại lớp. GV nhận xét và tổng kết.

+ Kết quả: Hoạt động giúp HS phân tích được những thông tin căn bản về các hoạt động phát triển du lịch. Từ đó nhìn nhận được một số vấn đề liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên, con người.

#### *Hoạt động 2: Xây dựng phiếu phỏng vấn cộng đồng*

a) Mục tiêu: Xây dựng được phiếu câu hỏi phỏng vấn giúp làm rõ những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, những tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người và sinh vật.

b) Cách tiến hành:

+ Chuẩn bị: Bút viết, giấy A4.

+ Thực hiện: GV đặt câu hỏi: làm cách nào để tìm hiểu những hoạt động phát triển du lịch tại Sơn Trà → GV hướng dẫn về phương pháp lập phiếu điều tra phỏng vấn cộng đồng là một trong những phương pháp giúp tìm hiểu rõ, đầy đủ, bằng chứng xác thực về những vấn đề tại khu vực → HS lập phiếu điều tra → GV giúp HS xác định được các bên liên quan, những người hiểu rõ những vấn đề tại Sơn Trà → HS hoạt động theo nhóm. Mỗi nhóm xây dựng những câu hỏi để làm rõ các tác động và hiệu quả của hoạt động du lịch đến hệ sinh thái, con người và du lịch địa phương. HS đóng vai các bên liên quan (người phỏng vấn, cộng đồng, người chụp hình, người quay video...), tập phỏng vấn trước khi phỏng vấn thực tế → GV đưa ra nhận xét chung.

+ Kết luận: Phương pháp phỏng vấn cộng đồng giúp HS đi sâu vào phân tích những hoạt động phát triển du lịch tại Sơn Trà và tác động của những hoạt động này.

#### *Hoạt động 3: Phỏng vấn thực tế*

a) Mục tiêu: + HS tham gia phỏng vấn trực tiếp giúp tìm hiểu rõ về các hoạt động du lịch; + HS phân tích ý kiến từ phía cộng đồng, từ đó tổng hợp được những tác động tiêu cực và tích cực từ các hoạt động phát triển du lịch.

b) Cách tiến hành:

+ Chuẩn bị: GV kết nối các bên liên quan (NGOs, quản lý khách sạn, resort, hướng dẫn viên, ban quản lý Sơn Trà, ngư dân...). HS chuẩn bị phiếu phỏng vấn, bút, máy chụp ảnh, quay phim.

+ Thực hiện: GV liên hệ kết nối các bên liên quan, tổ chức một buổi seminar chia sẻ thân mật → GV hướng dẫn HS sắp xếp, bố trí bàn ghế cho các khách mời → HS tập trung theo nhóm, nhóm trưởng chia nhiệm vụ cho mỗi thành viên: Người hỏi, người ghi chép, chụp hình, quay video... Hình thức: Các nhóm sẽ đi xoay vòng để tìm hiểu lần lượt từng khách mời → HS phỏng vấn các NGOs, ban quản lý, người dân địa phương, khách du lịch, nhân viên khách sạn, resort,... → HS phân tích và tổng hợp các ý kiến và trình bày kết quả theo nhóm. Các nhóm khác cho ý kiến đóng góp.

+ Kết luận: Phỏng vấn cộng đồng giúp người học xác thực thông tin, tìm hiểu sâu hơn về các vấn đề. Phiếu khảo sát giúp người học phân tích và tổng hợp được bức tranh tổng thể các vấn đề, từ đó đưa ra được các giải pháp du lịch bền vững.

#### *Hoạt động 4: Đề xuất các giải pháp và xây dựng mô hình quản lý hướng đến du lịch bền vững - du lịch sinh thái*

a) Mục tiêu: + Đề xuất được các giải pháp hướng đến du lịch sinh thái bền vững; + Xây dựng được mô hình quản lý du lịch bền vững tại Sơn Trà.

b) Cách tiến hành: + HS dựa vào lý thuyết đã tìm hiểu ở hoạt động 1 cùng với kết quả phỏng vấn hoạt động 3. HS làm việc theo nhóm, đưa ra những đề xuất giúp Sơn Trà hướng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững; + GV chia sẻ cho HS về mô hình quản lý du lịch sinh thái tại một số vườn quốc gia hay khu bảo tồn khác về vai trò của các bên liên quan; + HS tự xây dựng mô hình quản lý du lịch bền vững tại Sơn Trà. Các nhóm cộng đồng sẽ đóng vai trò gì trong mô hình này; + GV cho nhận xét và tổng kết.

#### *Bước 5: Thiết kế công cụ đánh giá kết quả chủ đề HDTN, hướng nghiệp*

Thiết kế bộ tiêu chí đánh giá hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm để đánh giá năng lực GT&HT.

Bảng 2. Phiếu đánh giá sự hợp tác của HS khi làm việc nhóm

Các tiêu chí	Các mức độ			
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	- Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm	- Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm	- Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm
4. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ người khác	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác

### 3. Kết luận

HĐTN thiên nhiên có thể được tổ chức với nhiều loại hình khác nhau phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương và nhà trường. Để phát triển năng lực GT&HT, GV có thể thiết kế HĐTN thiên nhiên và tổ chức thông qua hoạt động nhóm nhỏ bằng các hoạt động trải nghiệm thực tiễn như phỏng vấn cộng đồng, xây dựng mô hình,... qua đó giúp HS khám phá tri thức, có thái độ yêu thiên nhiên và hợp tác đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề về thiên nhiên và môi trường địa phương theo hướng phát triển bền vững.

### Tài liệu tham khảo

- Borge, M., & White, B. (2016). *Toward the Development of Socio-Metacognitive Expertise: An Approach to Developing Collaborative Competence*. *Cognition and Instruction*, 34(4), 323-360. <https://doi.org/10.1080/07370008.2016.1215722>.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Burns, T.W., Orconner, D.J. & Stocklmayer, S.M. (2003). *Science communication: a contemporary definition*. *Public Understand. Sci.* 12,183-202.
- Gilbert, D. J. (2013). *Collaborative Competence: Redefining Management Education Through Social Construction*. *Journal of Psychological Issues in Organizational Culture*, 4(3), 26-43. <https://doi.org/10.1002/jpoc.21116>.
- Hoàng Phê (chủ biên, 1995). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Lucas, B. (2019). *Why we need to stop talking about twenty-first century skills*. (May).
- Marcela Borge & Barbara White (2016). *Toward the Development of SocioMetacognitive Expertise: An Approach to Developing Collaborative Competence*. *Cognition and Instruction*, 34:4, 323-360, DOI: 10.1080/07370008.2016.1215722.
- Martin, M. M. (1994). *Development of a Measure of Interpersonal Communication Competence*. *Communication Research Reports*, 11(1), 33-44. <https://doi.org/10.1080/08824099409359938>.
- Monthienvichienchai, C., Bhibulbhanuwat, S., Kasemsuk, C., & Speece, M. (2002). *Cultural awareness, communication apprehension, and communication competence: A case study of Saint John's International School*. *International Journal of Educational Management*, 16(6), 288-296. <https://doi.org/10.1108/09513540210441245>.
- Spitzberg, B. H. (1983). *Communication competence as knowledge, skill, and impression*. *Communication Education*, 32(3), 323-329. <https://doi.org/10.1080/03634528309378550>.